

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày 22-3-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N;

Địa chỉ: Đường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Phó phòng khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh S; Địa chỉ: đường Đ, khóm H, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng – là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2022. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trịnh Thanh T; sinh năm: 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: đường A, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 23 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N trình bày:

Ngày 30/8/2017, bà Trịnh Thanh T có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh S với số tiền là: 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số:

0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: tiêu dùng hợp pháp; Phương thức trả nợ: mỗi tháng trả số tiền gốc là 830.000 đồng và lãi phát sinh vào ngày 15 hàng tháng.

Trong quá trình vay vốn bà Trịnh Thanh T đã trả vốn vay số tiền 27.171.095 đồng, số tiền còn lại tính đến hết ngày 22/3/2022 là: Tiền vốn: 2.828.905 đồng; lãi trong hạn: 2.037.663 đồng; lãi quá hạn 787.724 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi còn nợ là: 5.654.292 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trịnh Thanh T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 22/3/2021 là 5.654.292 đồng (Trong đó tiền vốn: 2.828.905 đồng; lãi trong hạn: 2.037.663 đồng; lãi quá hạn 787.724 đồng).

- Buộc bà Trịnh Thanh T thanh toán toàn bộ các khoản lãi quá hạn, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên, kể từ ngày tuyên án cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Vạn Nguyên xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn yêu cầu bà Trịnh Thanh T trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/11/2021 là: 10.370.621 đồng (trong đó, Tiền vốn: 7.828.905 đồng; lãi quá hạn: 2.523.355 đồng; lãi trong hạn 18.361 đồng). Tuy nhiên tại phiên Tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu bà Trịnh Thanh T trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 22/3/2022 là 5.654.292 đồng (Trong đó tiền vốn: 2.828.905 đồng; lãi trong hạn: 2.037.663 đồng; lãi quá hạn 787.724 đồng).

- Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: bản sao có chứng thực, Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017; Giấy nhận nợ số 01 ngày 01/9/2017, Kế hoạch trả nợ lập ngày 30/8/2017 của bà Trịnh Thanh T.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16-02-2022, bị đơn bà Trịnh Thanh T trình bày:

Ngày 30/8/2017, bà Trịnh Thanh T có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh S với số tiền là: 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: tiêu dùng hợp pháp. Ngân hàng đã giải ngân và bà T đã nhận đủ số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng. Vào thời điểm vay tiền, bà T đang công tác tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Sóc Trăng. Sau khi vay, Ngân hàng điều trừ lương hàng tháng của bà đến năm 2019, bà T nghỉ việc do đó bà không tiếp tục trả vốn lãi theo thỏa thuận được.

Bà T thừa nhận, tính đến ngày 23/11/2021 bà đã trả vốn vay số tiền 22.171.095 đồng, còn nợ lại số tiền vốn vay là 7.828.905 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 23/11/2021 là 2.541.716 đồng (trong đó, lãi quá hạn: 2.523.355 đồng; lãi trong hạn 18.361 đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi còn nợ là: 10.370.621 đồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn bà Trịnh Thanh T không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thanh T, cư trú tại: đường A, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ là 5.654.292 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017. Cũng theo khoản 11.2 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh S có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a, b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. **Tại phiên tòa sơ thẩm**, bị đơn bà Trịnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Cũng tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/11/2021 là: 10.370.621 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 22/3/2022 là 5.654.292 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc yêu cầu bị đơn bà Trịnh Thanh T trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 22/3/2022 là 5.654.292 đồng (trong đó, tiền vốn: 2.828.905 đồng; lãi quá hạn: 787.724 đồng; lãi trong hạn 2.037.663 đồng), thấy rằng:

[4.1]. Theo Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017, thì Ngân hàng cho bà Trịnh Thanh T vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: tiêu dùng hợp pháp; Phương thức trả nợ: mỗi tháng trả số tiền gốc là 830.000 đồng và tiền lãi phát sinh vào ngày 15 hàng tháng. Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã cung cấp cho Tòa án bản sao có chứng thực, Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017; Giấy nhận nợ số 01 ngày 01/9/2017, Kế hoạch trả nợ lập ngày 30/8/2017 của bà Trịnh Thanh T. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16-02-2022, bị đơn bà Trịnh Thanh T cũng thừa nhận có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần N – chi nhánh S số tiền 30.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Hội Đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4.2]. Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017: Ngân hàng Thương mại cổ phần N ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh S ký kết hợp đồng tín dụng với bà Trịnh Thanh T. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[4.3]. Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã giải ngân cho bà Trịnh Thanh T nhận đủ số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, nhưng đến nay đã hết thời hạn vay theo Hợp đồng mà bà T mới trả cho ngân hàng được số tiền vốn vay là 27.171.095 đồng, còn nợ lại số tiền 2.828.905 đồng, là vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng và kế hoạch trả nợ mà hai bên đã ký kết. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu bà Trịnh Thanh T trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 2.828.905 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Trịnh Thanh T trả số tiền lãi tính đến hết ngày 22/3/2022 là 2.825.387 đồng (trong đó, lãi quá hạn: 787.724 đồng; lãi trong hạn 2.037.663 đồng). Tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận lãi suất cho vay lãi suất trong hạn 12%/năm; Lãi suất quá hạn: 150%, lãi suất trong hạn. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và số tiền lãi nêu trên ngân hàng đã tính đúng. Sau khi vay, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 22/3/2022 là 2.825.387 đồng (trong đó, lãi quá hạn: 787.724 đồng; lãi trong hạn 2.037.663 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà bà Trịnh Thanh T có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N là 5.654.292 đồng (trong đó, tiền vốn: 2.828.905 đồng; lãi quá hạn: 787.724 đồng; lãi trong hạn 2.037.663 đồng).

[4.5]. Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 23-3-2022 cho đến khi bà T trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bị đơn bà Trịnh Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N:

- Buộc bà Trịnh Thanh T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền vốn và lãi tính đến hết ngày 22/3/2022 là 5.654.292 đồng (trong đó, tiền vốn: 2.828.905 đồng; lãi quá hạn: 787.724 đồng; lãi trong hạn 2.037.663 đồng).

- Kể từ ngày 22/3/2022 bà Trịnh Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận

trong Hợp đồng tín dụng số: 0308/17/HĐTD/ST/TN1 ngày 30/8/2017 cho đến khi thanh toán xong tiền vốn vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000159 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên